

XBP VV
2457

CHIẾN SĨ

TRẬN PHỤC KÍCH
LA NGÀ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHIẾN SĨ

TRẦN PHỤC KÍCH

LA NGÀ

Tái bản lần thứ I, có sửa chữa, bổ sung.

Hiệu đính: Thạc sĩ Sử học Trần Quang Toại

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 01/03 năm mười năm trước, chiến thắng La Ngà đã tạc vào lịch sử. Bằng sự huy động tài tình sức mạnh tổng hợp từ địa thế, từ lòng dân, Chi đội 10 - lực lượng vũ trang nhân dân khu 7, đã tiêu diệt đoàn xe của thực dân Pháp từ Sài Gòn đi Đà Lạt trên lộ 20, đoạn La Ngà - Định Quán; gây chấn động dư luận trong và ngoài nước về khả năng đánh và thắng địch của quân dân kháng chiến.

Chiến thắng La Ngà đã làm thay đổi "*cái nhìn*" của thực dân Pháp về thế và lực của đôi bên ở chiến trường Việt Nam ; chính một sĩ quan Pháp - tướng Salan, phải thừa nhận: Trận thắng La Ngà chứng tỏ sự phát triển nhanh chóng và vững vàng của lực lượng vũ trang vùng Đồng Nai, sẵn sàng bẻ gãy mọi ý đồ quân sự của đội quân viễn chinh Pháp.

Chiến thắng La Ngà cũng làm nức lòng quân dân ta ; từ đó mở ra hàng loạt chiến công vang dội khác. Báo cáo chiến thắng La Ngà ghi ngày 19/03/1948, đó cũng là ngày lực lượng vũ trang miền Đông tiến công thắng lợi lô cốt mẹ cầu Bà Kiên, mở đầu đợt đánh tan hệ thống tháp canh De Latour, khai sinh binh chủng đặc công. Chiến thắng La Ngà trở thành biểu tượng của hào khí "*miền Đông gian lao mà anh dũng*".

Năm mươi năm đã qua, âm vang chiến thắng La Ngà còn đó. Tại khu vực chiến trường xưa, một tượng đài chiến thắng La Ngà sẽ được tạo dựng để đời đời ghi nhớ chiến công bất tử. Còn phải tính đến một "tượng đài" khác tạc vào lòng dân, vào ký ức những lớp người đã đi qua chiến tranh cũng như vào truyền thống cách mạng kết tinh ở lớp trẻ hôm nay bằng những trang viết hiện thực; những trang viết ấy vượt không gian và thời gian, có ý nghĩa trước mắt và lâu dài. Bởi vậy, hơn mười hồi ký của các cựu chiến binh, nhiều hiện vật lịch sử và nhiều trang tài liệu khác đã được sưu tập. Trong đó "*Trận phục kích La Ngà*" là ký sự lịch sử ngắn gọn, chính xác, dễ đọc, dễ hiểu, có thể dùng làm tài liệu giáo dục truyền thống cho đại chúng.

"*Trận phục kích La Ngà*" được Nhà Xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản lần đầu năm 1964 với tên tác giả: **Chiến Sĩ**. Một số cán bộ cách mạng lão thành cho rằng **Chiến Sĩ** là bút danh của cố đại tá Bùi Thanh Khiết nguyên Trưởng phòng chính trị Bộ tư lệnh khu 7. Tên thật tác giả chưa xác tín nhưng nội dung quyển sách đã chứng tỏ tác giả là người trong cuộc, nắm vững thực tế của chiến thắng La Ngà từ toàn cục đến chi tiết cụ thể. Cho nên "*Trận phục kích La Ngà*" chân thực và sinh động, tính lịch sử và tính văn học cao.

Nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng La Ngà, được sự đồng ý của NXB Quân đội nhân dân, bằng kinh phí tài trợ của Nhà nước, NXB Đồng Nai trân trọng tái

bản "*Trận phục kích La Ngà*" để làm tài liệu phục vụ công ích, góp phần ôn lại "*truyền thống La Ngà*" cho đời sống hiện thực hôm nay. Trên cơ sở trung thành với nguyên tác, qua đối chứng thực tế địa hình và nhiều tài liệu đáng tin cậy khác, thạc sĩ Trần Quang Toại có sự hiệu đính đôi chỗ để phù hợp với tâm lý bạn đọc và thời điểm tái bản. NXB Đồng Nai cũng xin được sử dụng tư liệu của Nhà Bảo tàng Đồng Nai trong phần phụ lục để minh họa nội dung của quyển sách.

Dù đã có nhiều cố gắng nhưng ắt khó tránh khỏi những thiếu sót ngoài ý muốn. NXB Đồng Nai thành thực đón nhận ý kiến đóng góp xây dựng của bạn đọc gần xa ; và cũng mong rằng, đến lúc nào đó được giúp đỡ, có đủ điều kiện để công bố tài liệu đầy đủ hơn về chiến thắng La Ngà.

NXB ĐỒNG NAI

THẾ TA ĐANG LÊN

Năm 1947, các chiến khu của Nam bộ đều bị địch bao vây phong tỏa, bộ đội phải triệt để phân tán trong nhân dân để đánh du kích, tránh bị địch tiêu diệt, nhưng tinh thần vẫn bất thần tập trung lực lượng đánh cho địch những đòn choáng váng, theo đúng nghĩa phương châm chỉ đạo tác chiến của Bộ Tổng tư

lệnh: "Du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ". Thời kỳ này, bộ đội Nam bộ đã qua rèn luyện hơn một năm trong khói lửa, có rất nhiều kinh nghiệm đánh du kích và tiến bộ rất nhanh trong chiến thuật vận động phục kích.

Ngày 26 tháng 2 năm 1947, bộ đội khu 9 đánh trận Tâm Vu tiêu diệt một đoàn xe địch, giết chết tên đại tá Đờ -xát (Desat).

Tháng 5 năm 1947 ở Giồng Dứa, bộ đội khu 8 tiêu diệt một đoàn xe địch, bắt sống một tên bộ trưởng của chính quyền bù nhìn cùng đi trong chuyến xe này.

Nổi tiếng về đánh vận động phục kích hồi đó ở Nam bộ là chi đội 10¹ (bộ đội địa phương của Biên Hòa thuộc khu 7).

Tỉnh Biên Hòa có đường xe lửa Sài Gòn - Phan Thiết - Phan Rang² và quốc lộ 1 Sài Gòn - Hà Nội - Nam Quan chạy qua, có quốc lộ số 20 lên Đà Lạt - Tây Nguyên. Trên những con đường này, địch vận chuyển thường xuyên, nhất là hồi này chúng lại đang chuyển quân ra Bắc chuẩn bị mở chiến dịch Thu - Đông, nên chi đội 10 càng có nhiều hoàn cảnh lập công; mới trong hai tháng đã lật đổ được đoàn xe lửa

¹ Chi đội 10 Biên Hòa thành lập tháng 6/1946, gồm có ba đại đội phiên hiệu đại đội A, B, C. Khi thành lập có 1100 quân, 380 súng các loại. Ban chỉ huy ban đầu: Huỳnh Văn Nghệ, chi đội trưởng; Nguyễn Văn Lung, chi đội phó; Phan Đình Công, chính trị viên. Cuối tháng 12-1947, chi đội 10 có 2200 quân, hơn 800 súng các loại.

Sau hội nghị khu 7 ngày 27-3-1947, chi đội 10 phát triển thành trung đoàn 310. Trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Lung

² Chính là đường xe lửa xuyên Việt (Sài Gòn - Hà Nội).

quân sự của địch, một ở Trảng Táo (tháng 5 năm 1947) và một ở Bảo Chánh (tháng 6 năm 1947) thu được nhiều vũ khí quân trang quân dụng.

Trên bước đường trưởng thành của bộ đội về kỹ thuật chiến thuật, cán bộ các cấp cũng tiến thêm một bước về tổ chức và chỉ huy chiến đấu, các công binh xưởng được xây dựng phát triển ngày càng nhiều và để đáp ứng thêm nhu cầu cho tiền tuyến, thực hiện phương châm tự lực cánh sinh, đã tự chế tạo được những kíp mìn điện, nhiều loại mìn, lựu đạn và ống phóng lựu đạn. Trận Bàu Cá (trên đường Sài Gòn - Phan Thiết) ngày 14 tháng 7 năm 1947, chi đội 10 đã dùng mìn điện chế tạo từ một quả bom lép 250kg sưu tầm được có lắp kíp điện phá tan đầu máy của một đoàn xe lửa quân sự. Trận ấy địch bị thiệt hại khoảng 200 tên, ta thu được 60 khẩu súng các loại và 3 máy vô tuyến điện.

Có thể nói trong năm 1947, không có tháng nào bộ đội Nam bộ không đánh thắng địch một trận lớn. Riêng chi đội 10 thì cứ sắp đánh trận này đã phải chuẩn bị tiếp ngay trận khác. Bộ đội chuyển quân đi đánh trận Trảng Táo thì trinh sát đã nằm ở Bảo Chánh, bộ đội vừa đánh xong trận Bảo Chánh thì trinh sát cũng đã chuẩn bị xong các tài liệu để ban chỉ huy chi đội hạ quyết tâm đánh trận Bàu Cá. Với tác phong chiến đấu khẩn trương và liên tục như vậy, cho nên khi quân địch mở cuộc tấn công lớn ở Bắc bộ, đánh lên Việt Bắc, Bộ Tổng tư lệnh ra chỉ thị cho các chiến trường toàn quốc tích cực đánh địch để phối hợp với

quân dân Biệt Bắc thì bộ đội Nam bộ sẵn sàng chấp hành ngay, liên tiếp đánh thắng nhiều trận, đặc biệt có hai trận đã làm cho bọn tướng tá của địch ở Nam bộ phải giật mình:

Đêm mùng 4 tháng 12, ba chi đội và hai tiểu đoàn của khu 7 đã đột nhập vào Sài Gòn - Chợ Lớn đánh phá nhiều nơi, làm cho lũ thực dân Pháp và bọn chính quyền bù nhìn nhón nháo lo sợ, mấy đêm sau chúng còn chưa hoàn hồn, vẫn đốc thúc quân lính canh gác rất gắt gao.

Ngày 19 tháng 12 năm 1947, chi đội 10 đánh trận phục kích ở Đông Xoài (trên quốc lộ số 14 Thủ Dầu Một - Phú Riềng) đốt 1 xe thiết giáp, 9 xe vận tải, diệt 60 địch.

Tuy hồi đó ở Nam bộ địch vẫn bị đánh những đòn khá đau, song chúng vẫn ở thế mạnh và chủ động. Ta nói chung còn yếu và có nhiều khó khăn về kinh tế; riêng khu 7, súng đạn không thiếu lắm vì bộ đội và quân dân du kích đánh chiếm của địch được nhiều, nhưng khó khăn thiếu thốn lớn nhất vẫn là gạo. Địch chẹn hết các cửa ngõ của chiến khu Đ, phong tỏa kinh tế, hòng dồn ta vào cảnh khốn quẫn. Sau thất bại ở Việt Bắc, địch phải chuyển hướng chiến lược từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang đánh lâu dài, dồn lực để "thực tế bình định Nam kỳ" "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt"; cố giành lấy một chiến thắng lớn ở Nam bộ, để củng cố chính phủ bù nhìn và đưa Bảo Đại về làm Quốc trưởng của cái gọi là "nước Việt Nam tự trị".

Trong bản báo cáo ngày 1 tháng 1 năm 1948 tổng kết chiến dịch Việt Bắc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận định là sang đầu năm 1948, lợi dụng mùa khô ở Nam bộ, địch sẽ "càn quét Nam bộ, củng cố chính phủ Xuân - Bảo Đại". Đó là mục tiêu trước mắt của địch, chúng định tâm cố gắng, nhanh chóng bình định Nam bộ rồi sẽ rút bớt quân đưa ra Bắc mở chiến dịch vào Thu - Đông năm 1948.

Nhưng đó mới là ý muốn chủ quan của địch. Về phần ta, bộ đội Nam bộ tuy bị địch o ép, bị tấn công liên tiếp, gặp nhiều khó khăn, song lại đang nức lòng phấn khởi hưởng ứng lời kêu gọi "Thi đua giết giặc lập công" của Hồ Chủ Tịch. Tiếng súng chiến thắng từ Việt Bắc vang dội vào Nam, tiếng hát ca ngợi sông Lô hùng tráng, đường số 4 lăm liệt, hàng ngày vẫn qua làn sóng điện của đài Tiếng nói Việt Nam vọng tới các chiến khu của miền Nam "Thành đồng Tổ quốc", cổ vũ quân dân Bắc - Trung - Nam cùng nỗ lực thi đua giết giặc.

Nam bộ quyết đánh bại kế hoạch tấn công của địch trong mùa khô 1948³. Không bao giờ quân địch có thể "bình định" được mảnh đất "Thành đồng" này.

³ Từ đầu năm 1948, địch mở nhiều đợt càn quét lớn nhỏ vào chiến khu Đ, khi thì vài trăm, khi tới 1.000 quân. Trận càn quét lớn nhất vào đầu tháng 2/1948, địch huy động tới 2.000 quân quyết tâm tiêu diệt chi đội 10, nhưng chúng đã bị thất bại. Sang trung tuần tháng 2, địch lại mở trận càn quét lớn thứ 2 với 6.000 quân, gồm bộ binh, pháo binh, công binh, quân cơ giới, thủy quân, nhảy dù... chia làm 7 cánh đánh thọc vào Đồng Tháp Mười, nhưng chúng lại bị thất bại.

CHUẨN BỊ TRONG BA THÁNG

Vào đầu tháng 11 năm 1947, trong khi đi nghiên cứu địa hình để chuẩn bị trận đánh phục kích ở Đồng Xoài, đồng chí huyện đội trưởng Huyện đội Xuân Lộc gọi ý với đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Tư lệnh phó khu 7 kiêm Chi đội trưởng chi đội 10 như sau:

"Trên quốc lộ số 20 có nhiều địa điểm phục kích rất tốt, tôi nhớ quãng La Ngà⁴, địa hình của nó cũng có rất nhiều điểm tương tự như ở Đồng Xoài này".

La Ngà, có người gọi là Là Nhà hay La Nha, đọc theo tên viết trên bản đồ cũ của Pháp "Lagna". La Ngà cách Sài Gòn 101 cây số, ở quãng sông La Ngà chảy qua quốc lộ số 20. Vào giữa năm 1947, một đơn vị của khu 7 đã đánh kỳ tập, tiêu diệt quân địch trong bốp La Ngà rồi chặt cây rừng làm củi đốt cầu. Cầu không sập nhưng sắt bị quần què, gỗ ván cháy hết làm cho việc giao thông giữa Sài Gòn - Đà Lạt bị tắc nghẽn một thời gian, giá sinh hoạt ở Đà Lạt tăng vọt. Đường Sài Gòn - Đà Lạt, xe địch vận chuyển thường xuyên. Đây là một con đường chiến lược quan trọng, một mặt nối liền Sài Gòn với Tây Nguyên, sang Hạ Lào và Trung Lào; mặt khác thông ra quốc lộ 1 và các cửa biển. Đánh phục kích ở đây có thể ăn to, vì xe địch đi đông, có khi tới bảy tám chục chiếc. Nhưng muốn ăn

⁴ Tác giả dùng từ "La Ngà" (BT)

to ở đây thì phải đánh lớn, phải điều động nhiều quân, khó khăn có nhiều, phải vận động cách xa căn cứ hàng trăm cây số toàn đường rừng; đánh xong khi rút quân có thể bị địch dùng máy bay truy kích và thả quân nhảy dù chặn đường về. Đánh thắng rồi rút quân còn đỡ gay go, nhưng nếu đánh không thắng thì khó khăn mới lắm. Địch đuổi ở dưới đất, địch đánh ở trên đầu, địch chặn mất đường đi...

Tuy vậy, khi đặt vấn đề đánh một trận phục kích ở quăng La Ngà thì đồng chí chỉ đội trưởng chỉ đội 10 lại không lo đến những khó khăn về tổ chức, chỉ huy, chiến thuật, kỹ thuật bằng vấn đề gạo.

Có thể xoay được đủ gạo dự trữ cho quân ăn trong vòng 7 ngày không? Đánh ở trên quốc lộ số 20 này phải điều động hàng nghìn người, ít ra phải có dăm tấn.

Gạo, thật là vấn đề nam giải, khó khăn hàng đầu của khu 7 hồi đó. Bộ đội sống phân tán trong nhân dân, cùng với nhân dân tăng gia sản xuất, ở nhà nào làm cho nhà nấy, ăn uống do từng nhà nuôi nấng. Vì bị địch phong tỏa gắt gao nên nhân dân trong khu căn cứ cũng thiếu lương thực, không có dư thừa, để đóng góp cho bộ đội lập kho dự trữ. Mỗi lần bộ đội xuất trận, thường đi đến đâu nhân dân ở đó lo việc cung cấp tiếp tế. Các lần trước, chỉ đội 10 toàn đánh ở nơi đông dân cư nên vấn đề lương thực tuy khó khăn, song còn có thể lo chạy từng ngày được. Bây giờ vận động lên đánh ở La Ngà, xa căn cứ, giữa nơi đất rộng người thưa, phải có gạo ăn hàng tuần.

Vấn đề thật gay go, nhưng đồng chí huyện đội trưởng Huyện đội Xuân Lộc quả quyết làm được, làm dần dần, lâu ngày cũng xoay được đủ gạo. Vì rằng bất cứ ở đâu, dù trong vùng địch kiểm soát gắt gao, nhân dân vẫn hướng về kháng chiến, sẵn lòng ủng hộ bộ đội.

Vùng La Ngà mặc dù bị địch gom dân vào các trại tập trung gần các cứ điểm, nhưng nhiều gia đình vẫn tản cư lên vùng núi cao, vào sâu trong rừng rậm, phá đất cày cấy, ta cử cán bộ đi vận động đồng bào gom góp mỗi nhà một ít cũng giải quyết được một phần.

Trong các trại tập trung, địch kiểm soát gắt gao, khủng bố rất dã man, của cải của đồng bào bị địch cướp phá, tuy nghèo nhưng rất giàu lòng yêu nước, ủng hộ kháng chiến, cán bộ ta vẫn ra vào được và có thể vận động đồng bào ủng hộ gạo rồi bí mật chuyển ra rừng.

Ở đồn điền cao su Định Quán (cách La Ngà hơn một chục cây số), ta có sơ sở vững trong công nhân, có thể một mặt quyên góp gạo, một mặt đưa tiền vào nhờ bà con mua gạo rồi chuyển dần ra ngoài.

Ý kiến đánh trận La Ngà của đồng chí huyện đội trưởng Huyện đội Xuân Lộc được Tỉnh ủy Biên Hòa nghiên cứu, quyết định nhanh chóng và bắt tay ngay vào xúc tiến công tác chuẩn bị.

Tỉnh ủy trao nhiệm vụ cho Huyện ủy Xuân Lộc lo việc huy động lương thực trong nhân dân, lập kho bí

mật rải rác từ khu căn cứ đèo gần vùng La Ngà, Huyện đội Xuân Lộc cùng chi đội 10 lo việc tổ chức điều tra tình hình địch và chuẩn bị chiến trường.

Thế là, vào đầu tháng 12 năm 1947, khi chi đội 10 đang chuẩn bị chuyển quân đánh trận Đồng Xoài thì đồng thời có một tổ trinh sát đặc biệt (nguyên là ban công tác liên thôn IX, do Đỗ Thanh Tùng phụ trách) cùng cán bộ địa phương lên đường đi La Ngà. Đường lớn, đường nhỏ địch kiểm soát chặt chẽ, họ phải luôn rừng, vượt suối tự mở đường mà đi. Túi gạo trên vai cứ nhẹ dần, voi dần, trước mặt họ rừng núi vẫn mênh mông. Họ chiếu địa bàn, đi theo bản đồ, rồi họ lần mò tới ngã ba sông Đồng Nai - La Ngà, nơi đây thú dữ. Từ đó, vượt sông Đồng Nai, xuyên rừng ra quốc lộ số 20 còn phải đi ngót chục cây số nữa. Họ phân tán tìm đèn đồng bào dân tộc Châu Ro, dân tộc Mạ sống lẩn lút trên các rẻo cao, trong rừng rậm. Họ tìm bắt liên lạc với cơ sở trong các trại địch gom dân, trong đồn điền cao su. Họ bỏ những bộ quần áo bà ba, cùng xoay trần đóng khố, ăn mắm huyết trâu, uống rượu ịch, cũng đeo vòng tai, tập làm, tập cách đi đứng như người địa phương, học tiếng nói địa phương, rồi cử người lẩn vào với số đồng bào bị bắt đi "xâu" làm phu cho địch để len lỏi vào các vị trí, đếm từng khẩu súng, xem các đoàn xe địch đi qua đi lại, được đoàn hoàng đi trên quốc lộ số 20 ngắm giá những vách núi, những quãng đường ngoằn ngoèo chữ chi, những quãng đường dốc...

Chúng ta hãy đọc một đoạn hồi ký của một chiến sĩ trinh sát sống ở trên núi cao, phụ trách quan sát các đoàn xe địch, đã ghi như sau: "Những ngày xe địch không đi, chà, sao mà thời gian lại dài đến thế? Rừng núi bạt ngàn. Không gian bao la lặng vắng như tờ. Những lúc ấy cái yên tĩnh kéo dài nó làm cho con người đến khó chịu, căng thẳng. Chúng tôi thèm nghe thấy một tiếng động... chim kêu hay vượn hót. Hoạ hoàn lắm từ đâu xa mới vọng đến một vài tiếng kêu hót hoảng, cụt lủn của con mang, con mễn nào đó hoặc có một cành cây mục gãy, hay quả dại rụng xuống đất làm nó giật mình. Cảnh vật quá tĩnh mịch mà lòng chúng tôi cứ như lửa đốt, bồn chồn. Tin tức đơn vị, chiến khu, địch đánh, ta chống càn... hàng tháng chúng tôi chẳng hay, chẳng biết. Cứ vậy mà sống đặng đặng ngày này qua ngày khác, màn trời chiếu đất. Ban ngày chúng tôi chia nhau mỗi người đến một vị trí quan sát, chiều tối mới về một chỗ gặp nhau hội ý trao đổi tình hình rồi ôm lưng nhau cho ấm rồi mà ngủ qua đêm lạnh để rồi lại tiếp tục công việc...

Hôm nào có đoàn xe địch đi qua, hôm ấy chúng tôi thấy vui hẳn lên. Chúng tôi nhìn như dán mắt xuống đường cái, tai lắng hết sức đón nghe những tiếng động cơ nổ. Chúng tôi theo dõi từng giờ từng phút.

Mấy giờ có máy bay thám thính lượn qua? Nó hay nhòm ngó những quãng rừng nào? Nó bay qua mấy lượt? Nó đi khỏi thì bao nhiêu phút sau đoàn xe

ô-tô mới kéo đến? Số lượng, tốc độ, khoảng cách giữa các xe, lực lượng hộ tống, hỏa lực?...

Mỗi đoàn xe địch đi qua, chúng tôi lại tích thêm được một số tài liệu, lòng vui hẳn lên. Nhưng vui rồi lại lo, lo nhiều hơn vui, vì có bao giờ người trinh sát lại được phép hài lòng với những tài liệu mà mình đã thu thập? Tình hình địch luôn luôn biến đổi, tìm sao cho ra được cái qui luật chung nhất của những sự biến đổi ấy. Có vậy mới cung cấp được thực chất tình hình địch để cấp chỉ huy có cơ sở vững chắc đặt kế hoạch tác chiến, hạ quyết tâm.

Nhớ lại hôm chúng tôi nhận được thư của ban chỉ huy chi đội, trong đó có câu: "...Các đồng chí đang hoạt động giữa nơi hùng vĩ của giang sơn Tổ quốc. Rừng núi của chúng ta như thế này, sao lại có thể để cho giặc ngang nhiên coi Đà Lạt như một thị trấn xinh đẹp của nước Pháp? Thật là dở. Phải giáng cho giặc những đòn kinh hồn, phải làm cho chúng run sợ trước núi non hùng vĩ của Tổ quốc chúng ta. Các đồng chí hãy kiên nhẫn, điều tra nắm thật chắc tình hình địch, hiểu thật rõ địa thế. Nhớ rằng trận này đánh không thắng to là coi như thất bại đó..."

Đúng thế thật, chúng tôi đang sống giữa nơi hùng vĩ của giang sơn ở cuối dải Trường Sơn cao ngất. Đầu đàng kia, ở ngoài Bắc địch vừa mới bị một đòn sòng dở chết dở, máu địch loang đỏ nước sông Lô, xác địch chất đống trên đồi Bông Lau, trên đường số 3. Đầu trong này, cũng phải giáng cho chúng những trận

khiếp vĩa kinh hồn. Đất nước ta một dải, chỗ nào có bóng quân thù, chỗ ấy phải là mồ chôn bọn chúng.

Từ hôm nhận được thư động viên, chúng tôi càng thấu hiểu quyết tâm của ban chỉ huy chi đội. Nhìn xuống quốc lộ số 20, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng cảm thấy như nó đang bốc lên từng cột khói lửa và rừng núi chung quanh cũng cựa mình theo nó, âm âm tiếng nổ, vang dậy tiếng thét xung phong..."

Đây, trong những ngày dãi gió dầm sương, len lõi âm thâm ngay sát nách địch cũng như trong lòng địch, các đồng chí trinh sát của chúng ta đã làm việc và ước mơ như vậy.

Trong khi đó một cuộc chiến đấu âm thầm khác đầy gian khổ nhưng rất dũng cảm và mưu trí cũng đang diễn ra quanh vùng rừng núi hùng vĩ này, đó là công tác huy động gạo. Nhân dân chạy giặc sống phân tán trong những nơi hẻo lánh, đường đi lối lại hiểm trở, vắng ngắt, cán bộ của huyện Xuân Lộc phải lần đến từng nơi, vào từng lán, từng chòm. Đồng bào dân tộc chất phác, thật thà, đã ghét ai thì hận thù khắc sâu vào tim vào ruột, ngược lại đã tin yêu ai thì còn bát cháo cũng nhường cả. Đồng bào chạy giặc làm ăn vất vả nhưng tin cán bộ, thương bộ đội và đã vét từng lon gạo để đóng góp. Đồng bào chẳng thích hỏi chuyện xa xôi, thấy cán bộ nói cần gạo nuôi quân đánh giặc là rủ nhau đóng góp, người ít kẻ nhiều, thà ăn củ chứ không để cho bộ đội bị đói. Hạt gạo ở đây quý giá vô ngần, quý vì lòng dân đã bớt ăn để dành cho bộ đội; quý vì công sức của nhân dân, có nhà, có chòm chỉ góp được

dăm lô gạo cũng phải một người xuống núi, vượt rừng đi hàng nửa ngày mới đem được đến nơi cán bộ đã dặn.

Việc huy động gạo trong các trại gom dân của địch, trong đồn điền cao su còn gặp nhiều khó khăn hơn, tưởng không thể vượt qua được vì địch đặt luật lệ rất gắt. Đồng bào đi chợ ai đong nhiều gạo liền bị nghi ngờ và tay sai của địch theo dõi ngay, ai mang quá 5 ký lô bị giữ lại tra hỏi, ai mang gạo ra khỏi trại tập trung là bị bắt, bị tù tội hoặc bị đánh đập, thậm chí chỉ đi làm nương mang nắm cơm to cũng bị chúng theo dõi.

Hạt gạo nơi đây thật là giọt máu. Nhưng với lòng căm thù nung nấu tạo nên sức mạnh vô địch, nhân dân vùng La Ngà - Định Quán đã bất chấp súng đạn, bất chấp mọi sự khủng bố của quân thù, tìm mọi cách bịt mắt chúng để chuyển được gạo ra ngoài vòng vây của địch. Như kiến tha mỗi lâu ngày cũng đầy tổ, mỗi lần ra đi làm nương mang giấu một ít gạo, mỗi ngày một lần, có khi hai lần, tích ít thành nhiều. Phân đội còn phát hiện khoảng 15 mẫu lúa rẫy đã oằn bông, của đồng bào Mạ, nhưng không ai chăm sóc. Có lẽ đồng bào đã bị quân Pháp lừa vào các khu tập trung hoặc đã rút hết vào rừng sâu. Phân đội đã đánh bắt cá ở suối Sa Sả, ở vàm sông La Ngà. Hai nơi này cá trềng, cá lăng đen rất to, có con đến 50, 60 ký lô. Đầu và ruột cá làm thức ăn cho phân đội, thịt cá xẻ ướp muối phơi làm khô dự trữ.

Và đến giữa tháng 2 năm 1948 thì công tác chuẩn bị về căn bản đã hoàn thành.

Gạo, vấn đề khó khăn số một đã được giải quyết theo yêu cầu của ban chỉ huy chi đội 10. Với 15 mẫu lúa thu hoạch được của phân đội trinh sát đặc biệt, gạo do nhân dân trong khu căn cứ Định Quang ủng hộ, ta chuẩn bị được hai kho gạo và khô ở ven suối Sa Sả và vàm ngã ba sông La Ngà- Đồng Nai đủ cho 1.000 người ăn trong một tuần.

Về địa điểm phục kích và tình hình vận chuyển của địch, đội trinh sát của chi đội 10 đã cung cấp được nhiều tài liệu cụ thể.

Địa điểm phục kích

Quãng đường ở giữa La Ngà - Định Quán, dài hơn một chục cây số, rải nhựa phẳng nhẵn nhưng quanh co khúc khuỷu men bên sườn núi, có nhiều đoạn dốc kéo dài và cao từ 10 đến 15 độ. Hai bên đường toàn rừng già. Phía tây có nhiều dải đất dài nhô lên sừng sững như những đoạn tường thành vững chắc; bố trí quân phía bên này vừa kín vừa lợi dụng được địa hình địa vật tốt, rất lợi thế. Phía đông, dốc xuống thoải thoải, nhiều chỗ có vực sâu, địch bị chặn đánh nếu tháo chạy về phía này chỉ lâm vào thế bí, khó phản kích lại ta vì ở dưới thấp; càng tháo chạy xa đường cái càng lao xuống thấp, vướng bụi rậm, ta truy kích càng thuận lợi.

Về mùa khô, các suối nước đều cạn trơ lòng đất, ta trú quân gặp nhiều khó khăn, vị trí tiếp tế phải

đặt ở ven tả ngạn sông Đồng Nai, cách sau trận địa hơn 7 cây số; vị trí tập kết và quân y có thể đặt ở suối Cát bên hữu ngạn sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai rộng hơn 100 thước, có thể huy động thuyền độc mộc của nhân dân và đóng bè để giải quyết vấn đề qua sông.

Về tình hình địch.

Hàng tuần có hai chuyến xe địch qua lại, một chuyến từ Sài Gòn lên Đà Lạt và một chuyến từ Đà Lạt về Sài Gòn. Xe địch thường đi đông, từ năm đến bảy chục chiếc, nhưng trong đó có nhiều xe vận tải của tư nhân chở hành khách, hàng hóa; do đó nếu điều tra ở ngay Sài Gòn, qua các hãng xe vận tải hay các hãng buôn có thể biết được ngày địch xuất phát.

Trên quốc lộ số 20, địch chưa hề bị đánh lớn, nên coi đây là "con đường an toàn" ít đề phòng. Tuy vậy, mỗi chuyến xe, chúng vẫn thường cho một đại đội đi theo hộ tống, trường hợp nhiều xe hoặc có nhân vật quan trọng đi thì lực lượng này lên tới hai đại đội hoặc hơn nữa.

Khoảng cách giữa các xe địch thường trên dưới 100 thước. Tốc độ trung bình 20 cây số một giờ. Tuy vậy, cả đoàn xe thường không đi liền nhau và giữ được khoảng cách đều đặn như vậy vì phải thay đổi tốc độ qua những quãng đường dốc và ngoằn ngoèo; cho nên mỗi đoàn xe lại chia ra làm nhiều tốp cách nhau hàng cây số, tốp nào cũng có một vài xe chở quân hộ tống. Các xe vận tải quân sự, xe chở hành khách, hàng hóa

của tư nhân đi xen kẽ lẫn nhau, không theo trật tự nhất định.

Lực lượng hộ tổng, đáng chú ý nhất là bộ phận đi đầu mở đường và bộ phận hậu vệ, có xe thiết giáp đi cùng và mỗi nơi có khoảng một trung đội còn rải mỏng ở giữa. Xe chở lính hộ tổng không có mui, lính được ngồi rộng rãi để có thể xoay trở nhanh chóng, có lắp trọng liên hay đại liên. Các xe vận tải quân sự nếu chở lính thì ngồi chật chội có mui; nếu chở hàng hóa thì đóng kín mít, lính lái xe và lính phụ đều có súng tiểu liên để tự vệ.

Trường hợp bị chặn đánh thì lực lượng hộ tổng phải chống đỡ và khoảng nửa giờ sau khi nổ súng, máy bay khu trục mới đến ứng cứu. Các cứ điểm gần quãng đường này không có khả năng tiếp viện bằng binh lực cũng như hỏa lực.

QUYẾT TÂM CỦA BAN CHỈ HUY CHI ĐỘI 10

Lương thực đã chuẩn bị xong, địa điểm phục kích đã có, qui luật vận chuyển của địch ta đã nắm được, nhưng làm thế nào để đón được địch mà đánh? Còn lắm vấn đề phức tạp đặt ra cho người chỉ huy phải suy tính thận trọng.

Địch đi từ Sài Gòn lên đến La Ngà hết có nửa ngày, ta đi từ khu căn cứ đến đó mất 3 ngày, ấy là chưa nói đến thời gian dàn quân chiếm lĩnh trận địa. Ta chuyển quân đi xa căn cứ, lại đông, dễ bị lộ, nếu công tác bí mật không làm chu đáo thì không những